

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN TRỖI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp10	Lớp11	Lớp12	Lớp...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	961	338	328	295	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93.13	87.28	93.6	99.32	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6.4	12.72	5.79	0.34	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.16	0	0	0.34	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.32	0	0.61	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	961	338	328	295	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	28	25.44	28.96	29.83	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	41.93	30.08	40.85	56.61	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	27.05	37.57	28.35	13.56	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3.02	6.8	1.82	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	961	338	328	295	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.06	97.63	99.69		
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	28	25.44	28.96	29.83	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	41.93	30.08	40.85	56.61	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2.91	6.21	2.13	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.93	2.36	0.3	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.41	0.87	0.3	0	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	1.43	2.61	0.3	1.33	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0	

1	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	295	0	0	295	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	295	0	0	295	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	KXL	0	0	KXL	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	KXL	0	0	KXL	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	KXL	0	0	KXL	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	176	0	0	176	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	961/590	338/209	328/197	295/184	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	4/3	1/1	1/1	1/0	

Gò Dầu, ngày 06 tháng 10 năm 2023.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hoàng Ân